

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM
Số: 13/2008/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;

*Căn cứ Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/02/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam;
Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định số 888/2005/QĐ-NHNN ngày 16/6/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về việc mở, thành lập và chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại, Quyết định số 1090/2003/QĐ-NHNN ngày 17/9/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

ban hành Quy định về việc mở và chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng liên doanh tại Việt Nam và Điều 32 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC

PHÓ THỐNG ĐỐC

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn

QUY ĐỊNH

VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ngân hàng Nhà nước* là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. *Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại* bao gồm: sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, máy giao dịch tự động và điểm giao dịch.
4. *Sở giao dịch* là đơn vị phụ thuộc trụ sở chính của ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.
- Mỗi ngân hàng thương mại chỉ được mở một sở giao dịch. Địa điểm sở giao dịch nằm trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính.
5. *Chi nhánh* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.
6. *Văn phòng đại diện* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.
7. *Đơn vị sự nghiệp* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại gồm:
- a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng thương mại;
 - b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại;
 - c) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;
 - d) Xử lý tập trung một số nghiệp vụ ngân hàng, cung ứng cho khách hàng một số dịch vụ liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng của ngân hàng thương mại;
 - đ) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

8. *Phòng giao dịch* là bộ phận phụ thuộc sở giao dịch, chi nhánh của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, thực hiện một số giao dịch với khách hàng.

Phòng giao dịch không được thực hiện các hoạt động sau:

- a) Cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai tỷ Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được bảo đảm toàn bộ bằng: tiền, vàng, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước;
- b) Các dịch vụ thanh toán quốc tế, trừ dịch vụ đại lý chi trả kiều hối.

9. *Quỹ tiết kiệm* là bộ phận phụ thuộc sở giao dịch, chi nhánh của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, được thực hiện một hoặc một số giao dịch dưới đây với khách hàng:

- a) Huy động tiền gửi tiết kiệm;
- b) Phát hành và chiết khấu giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành;
- c) Dịch vụ đại lý chi trả kiều hối; dịch vụ chuyển tiền trong nước.

10. *Máy giao dịch tự động (viết tắt là ATM)* là thiết bị được ngân hàng thương mại sử dụng để cung cấp cho khách hàng một số dịch vụ ngân hàng gồm: gửi, rút tiền mặt và chuyển khoản; tra cứu thông tin giao dịch và sử dụng các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

11. *Điểm giao dịch* là bộ phận phụ thuộc sở giao dịch, chi nhánh của ngân hàng thương mại, không có con dấu.

Điểm giao dịch thực hiện việc nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng, tiếp nhận hồ sơ vay vốn, giải ngân và thu nợ đối với những hợp đồng tín dụng của sở giao dịch, chi nhánh đã ký với khách hàng.

Điều 3. Thời gian hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Thời gian hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp do ngân hàng thương mại quy định, tối đa không quá thời gian hoạt động còn

lại của ngân hàng thương mại kể từ ngày khai trương hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 4. Quyền tự chủ của ngân hàng thương mại

1. Ngân hàng thương mại quyết định và chịu trách nhiệm về việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, ATM, điểm giao dịch theo Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Ngân hàng thương mại quyết định:

a) Việc ủy quyền, đầu tư cơ sở vật chất, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ đối với sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, ATM, điểm giao dịch.

b) Thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị: sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch.

c) Sở giao dịch, chi nhánh đầu mối mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đặt sở giao dịch, chi nhánh.

Điều 5. Lập hồ sơ

Hồ sơ đề nghị mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại phải lập bằng tiếng Việt Nam.

Trường hợp lập bằng tiếng nước ngoài, hồ sơ phải được dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực theo quy định.

Chương II.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. MỞ, THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC

Điều 6. Điều kiện mở sở giao dịch, chi nhánh ở trong nước

1. Trong vòng một năm kể từ ngày khai trương hoạt động, theo phương án mở sở giao dịch, chi nhánh nêu tại Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động,